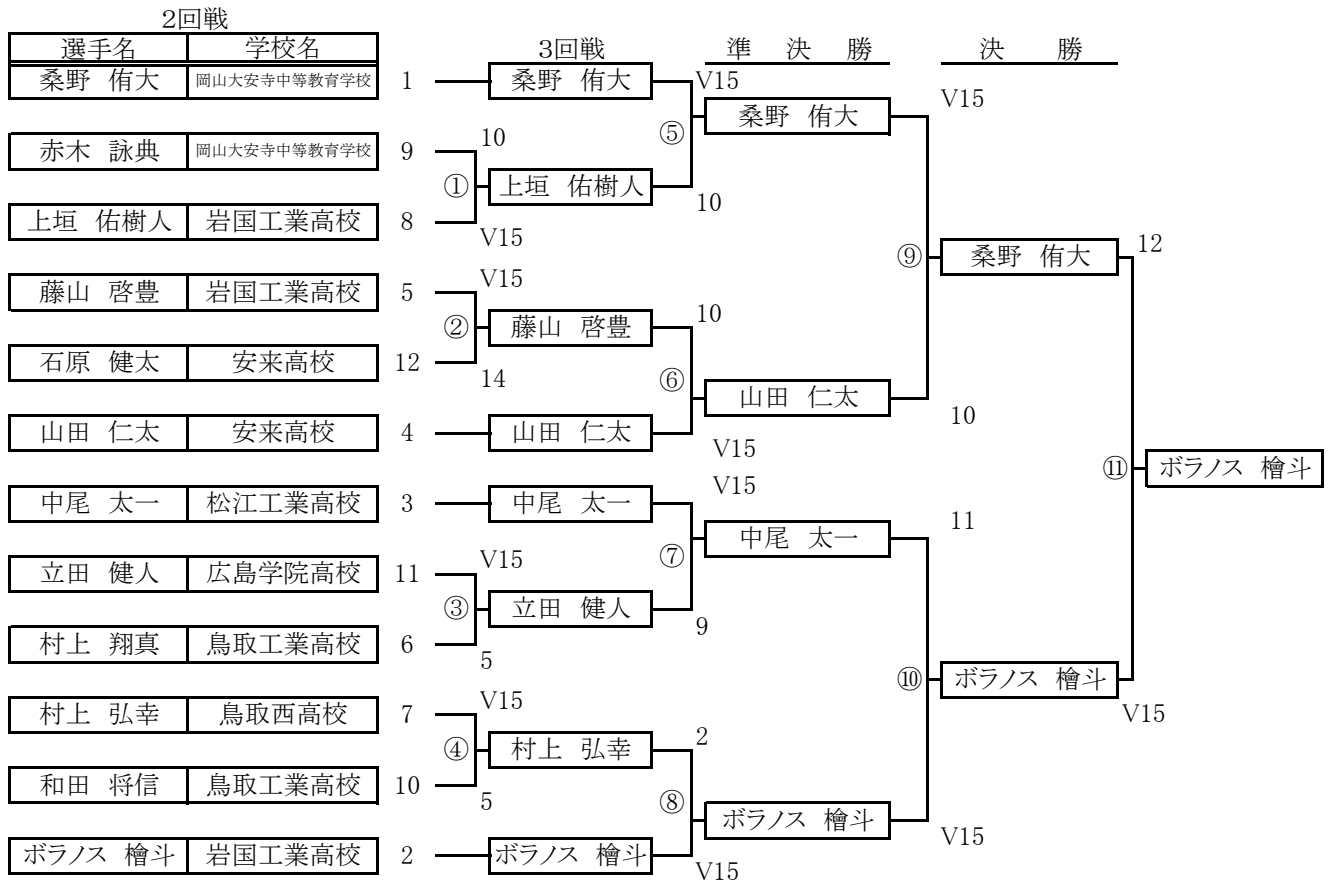


第20回中国高等学校フェンシング新人大会

男子個人フルーレ1回戦(シード表)

	P No	番号	学校名	氏名	No	試合 M	勝数 V	勝率 ① V/M	突数 TD	被突 TR	突数率② TD/TR	突率 ③ TD/M	シード 順位
1	1	102	岡山大安寺中等教育学校	桑 野 侑 大	2	4	4	1.000	20	8	2.500	5.000	1
2	3	304	岩国工業高校	ボラノス 檜 斗	4	4	4	1.000	20	11	1.818	5.000	2
3	3	302	松江工業高校	中 尾 太 一	2	4	3	0.750	19	9	2.111	4.750	3
4	2	203	安来高校	山 田 仁 太	3	4	3	0.750	18	11	1.636	4.500	4
5	2	201	岩国工業高校	藤 山 啓 豊	1	4	3	0.750	17	13	1.308	4.250	5
6	3	305	鳥取工業高校	村 上 翔 真	5	4	2	0.500	16	14	1.143	4.000	6
7	2	202	鳥取西高校	村 上 弘 幸	2	4	2	0.500	17	15	1.133	4.250	7
8	1	103	岩国工業高校	上 垣 佑 樹 人	3	4	2	0.500	16	15	1.067	4.000	8
9	2	204	岡山大安寺中等教育学校	赤 木 詠 典	4	4	2	0.500	14	15	0.933	3.500	9
10	1	101	鳥取工業高校	和 田 将 信	1	4	2	0.500	13	18	0.722	3.250	10
11	1	104	広島学院高校	立 田 健 人	4	4	1	0.250	13	17	0.765	3.250	11
12	1	105	安来高校	石 原 健 太	5	4	1	0.250	13	17	0.765	3.250	12
13	3	301	岡山大安寺中等教育学校	上 田 朗 斗	1	4	1	0.250	11	17	0.647	2.750	13
14	2	205	広島学院高校	三 枿 賢 介	5	4	0	0.000	8	20	0.400	2.000	14
15	3	303	広島学院高校	下 前 皓 史 郎	3	4	0	0.000	5	20	0.250	1.250	15

【トーナメント 2回戦～決勝】 15本勝負



【順位】

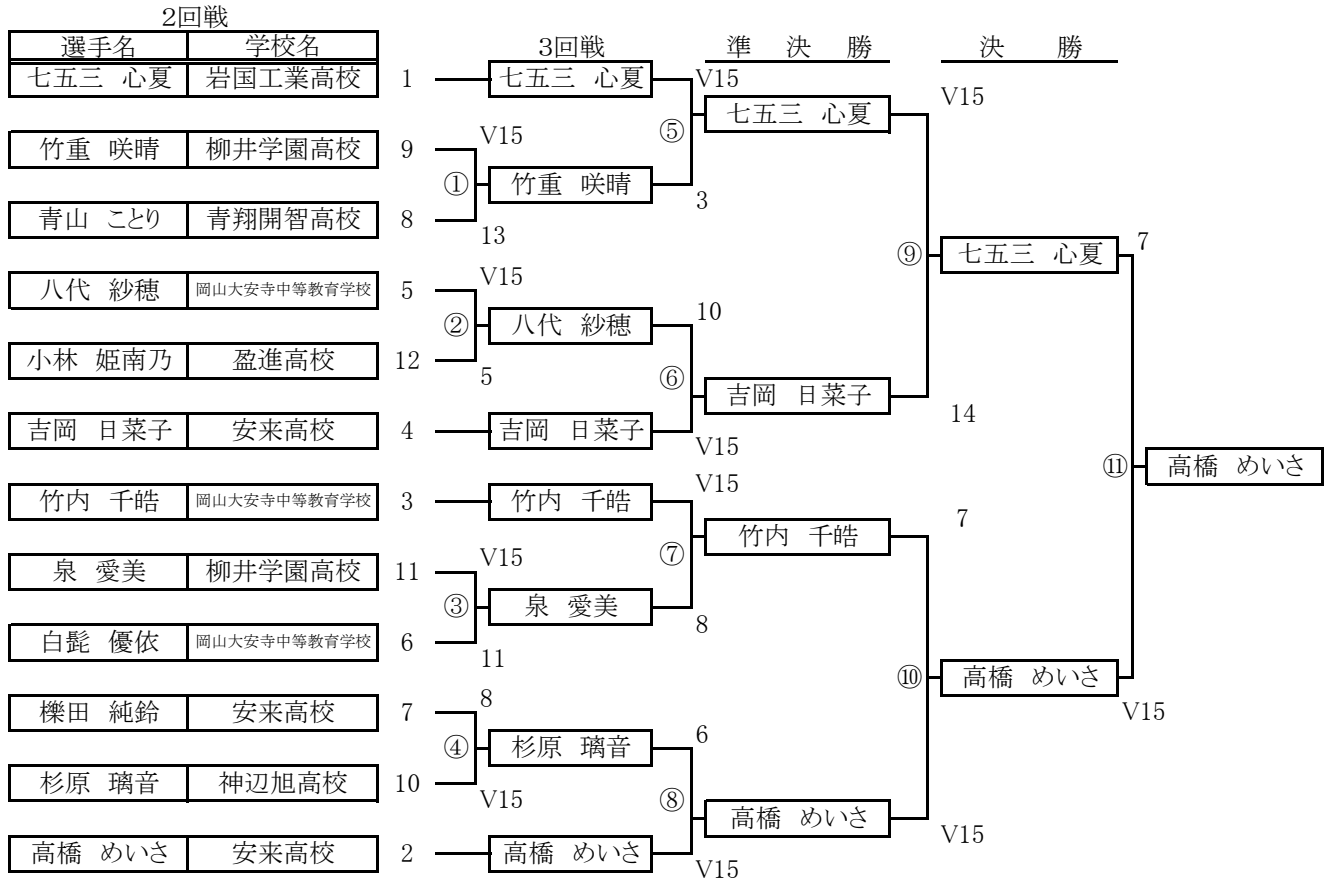
	選手名	学校名
1位	ボラノス 檜斗	岩国工業高校
2位	桑野 侑大	岡山大安寺中等教育学校
3位	中尾 太一	松江工業高校
3位	山田 仁太	安来高校
5位	藤山 啓豊	岩国工業高校
6位	村上 弘幸	鳥取西高校
7位	上垣 佑樹人	岩国工業高校
8位	立田 健人	広島学院高校

第20回中国高等学校フェンシング新人大会

女子個人フルール1回戦(シード表)

	P No	番号	学校名	氏名	No	試合 M	勝数 V	勝率 ① V/M	突数 TD	被突 TR	突数率② TD/TR	突率 ③ TD/M	シード 順位
1	3	304	岩国工業高校	七五三 心夏	4	4	4	1.000	20	0	∞	5.000	1
2	2	204	安来高校	高橋 めいさ	4	4	4	1.000	20	5	4.000	5.000	2
3	1	105	岡山大安寺中等教育学校	竹内 千皓	5	4	4	1.000	20	9	2.222	5.000	3
4	1	102	安来高校	吉岡 日菜子	2	4	3	0.750	17	7	2.429	4.250	4
5	3	302	岡山大安寺中等教育学校	八代 紗穂	2	4	3	0.750	15	9	1.667	3.750	5
6	2	203	岡山大安寺中等教育学校	白髭 優依	3	4	2	0.500	14	12	1.167	3.500	6
7	3	301	安来高校	櫛田 純鈴	1	4	2	0.500	12	11	1.091	3.000	7
8	1	104	青翔開智高校	青山 ことり	4	4	2	0.500	13	12	1.083	3.250	8
9	2	201	柳井学園高校	竹重 咲晴	1	4	2	0.500	13	13	1.000	3.250	9
10	2	202	神辺旭高校	杉原 璃音	2	4	2	0.500	13	17	0.765	3.250	10
11	1	103	柳井学園高校	泉 愛美	3	4	1	0.250	11	18	0.611	2.750	11
12	3	305	盈進高校	小林 姫南乃	5	4	1	0.250	8	15	0.533	2.000	12
13	2	205	鳥取湖陵高校	渡邊 椿樹	5	4	0	0.000	7	20	0.350	1.750	13
14	1	101	盈進高校	村田 紫野	1	4	0	0.000	4	19	0.211	1.000	14
15	3	303	鳥取湖陵高校	伊藤 里紗	3	4	0	0.000	0	20	0.000	0.000	15

【トーナメント 2回戦～決勝】 15本勝負



【順位】

	選手名	学校名
1位	高橋 めいさ	安来高校
2位	七五三 心夏	岩国工業高校
3位	竹内 千皓	岡山大安寺中等教育学校
3位	吉岡 日菜子	安来高校
5位	八代 紗穂	岡山大安寺中等教育学校
6位	竹重 咲晴	柳井学園高校
7位	杉原 璃音	神辺旭高校
8位	泉 愛美	柳井学園高校

男子団体フルーレ

学校名	No	1		2		3		4		5		V	V-I	D-I	①V/M	順位
													TD-I	TR-I	②TD/TR	
岩国工業高校	1			V-I	1	V-I	1	V-I	0	V-I	1	3	3	1	0.750	2
				TD	45	TD	45	TD	37	TD	45		172	114	1.509	
				TR	35	TR	23	TR	45	TR	11		③TD/M		43.000	
松江工業高校	2	V-I	0			V-I	1	V-I	1	V-I	1	3	3	1	0.750	3
		TD	35			TD	45	TD	45	TD	45		170	136	1.250	
		TR	45			TR	23	TR	44	TR	24		③TD/M		42.500	
広島学院高校	3	V-I	0	V-I	0			V-I	0	V-I	1	1	1	3	0.250	4
		TD	23	TD	23			TD	14	TD	45		105	166	0.633	
		TR	45	TR	45			TR	45	TR	31		③TD/M		26.250	
岡山大安寺中教校	4	V-I	1	V-I	0	V-I	1			V-I	1	3	3	1	0.750	1
		TD	45	TD	44	TD	45			TD	45		179	117	1.530	
		TR	37	TR	45	TR	14			TR	21		③TD/M		44.750	
鳥取工業高校	5	V-I	0	V-I	0	V-I	0	V-I	0			0	0	4	0.000	5
		TD	11	TD	24	TD	31	TD	21				87	180	0.483	
		TR	45	TR	45	TR	45	TR	45				③TD/M		21.750	

男子団体エペ

学校名	No	1	2	3	4	5	V	V-I TD-I	D-I TR-I	①V/M ②TD/TR	順位
西大寺高校	1		V-I 1	V-I 0	V-I 1	V-I 1	3	3	1	0.750	2
			TD 45	TD 24	TD 45	TD 45		159	154	1.032	
			TR 42	TR 45	TR 33	TR 34		③TD/M		39.750	
松江工業高校	2	V-I 0		V-I 0	V-I 1	V-I 1	2	2	2	0.500	3
		TD 42		TD 29	TD 45	TD 45		161	142	1.134	
		TR 45		TR 45	TR 29	TR 23		③TD/M		40.250	
岩国工業高校	3	V-I 1	V-I 1		V-I 1	V-I 1	4	4	0	1.000	1
		TD 45	TD 45		TD 44	TD 45		179	107	1.673	
		TR 24	TR 29		TR 29	TR 25		③TD/M		44.750	
鳥取工業高校	4	V-I 0	V-I 0	V-I 0		V-I 1	1	1	3	0.250	4
		TD 33	TD 29	TD 29		TD 45		136	168	0.810	
		TR 45	TR 45	TR 44		TR 34		③TD/M		34.000	
広島学院高校	5	V-I 0	V-I 0	V-I 0	V-I 0		0	0	4	0.000	5
		TD 34	TD 23	TD 25	TD 34			116	180	0.644	
		TR 45	TR 45	TR 45	TR 45			③TD/M		29.000	

男子団体サーブル

学校名	No	1		2		3		V	V-I	D-I	①V/M	順位
									TD-I	TR-I	②TD/TR	
柳井学園高校	1			V-I	1	V-I	0	1	1	1	0.500	2
				TD	45	TD	35		80	85	0.941	
				TR	40	TR	45		③TD/M		40.000	
安来高校	2	V-I	0			V-I	0	0	0	2	0.000	3
		TD	40			TD	43		83	90	0.922	
		TR	45			TR	45		③TD/M		41.500	
岡山大安寺中教校	3	V-I	1	V-I	1			2	2	0	1.000	1
		TD	45	TD	45				90	78	1.154	
		TR	35	TR	43				③TD/M		45.000	

男子団体サーブル 2位校

学校名	No	1		2		3		V	V-I	D-I	①V/M	順位
									TD-I	TR-I	②TD/TR	
玉野光南高校	1			V-I	0	V-I	0	0	0	2	0.000	3
				TD	15	TD	29		44	90	0.489	
				TR	45	TR	45		③TD/M		22.000	
松江工業高校	2	V-I	1			V-I	1	2	2	0	1.000	1
		TD	45			TD	45		90	43	2.093	
		TR	15			TR	28		③TD/M		45.000	
岩国工業高校	3	V-I	1	V-I	0			1	1	1	0.500	2
		TD	45	TD	28				73	74	0.986	
		TR	29	TR	45				③TD/M		36.500	

女子団体フルーレ

学校名	No	1		2		3		4		5		V	V-I	D-I	①V/M	順位
													TD-I	TR-I	②TD/TR	
安来高校	1			V-I	1	V-I	1	V-I	1	V-I	1	4	4	0	1.000	1
				TD	45	TD	45	TD	45	TD	45		180	53	3.396	
				TR	6	TR	19	TR	22	TR	6		③TD/M		45.000	
鳥取湖陵高校	2	V-I	0			V-I	0	V-I	0	V-I	0	0	0	4	0.000	5
		TD	6			TD	7	TD	8	TD	9		30	180	0.167	
		TR	45			TR	45	TR	45	TR	45		③TD/M		7.500	
柳井学園高校	3	V-I	0	V-I	1			V-I	1	V-I	1	3	3	1	0.750	2
		TD	19	TD	45			TD	36	TD	38		138	112	1.232	
		TR	45	TR	7			TR	30	TR	30		③TD/M		34.500	
岡山大安寺中教校	4	V-I	0	V-I	1	V-I	0			V-I	1	2	2	2	0.500	3
		TD	22	TD	45	TD	30			TD	45		142	107	1.327	
		TR	45	TR	8	TR	36			TR	18		③TD/M		35.500	
盈進高校	5	V-I	0	V-I	1	V-I	0	V-I	0			1	1	3	0.250	4
		TD	6	TD	45	TD	30	TD	18				99	137	0.723	
		TR	45	TR	9	TR	38	TR	45				③TD/M		24.750	

女子団体エペ

学校名	No	1		2		3		4		V	V-I	D-I	①V/M	順位
											TD-I	TR-I	②TD/TR	
盈進高校	1			V-I	0	V-I	0	V-I	1	1	1	2	0.333	3
				TD	21	TD	37	TD	45		103	112	0.920	
				TR	45	TR	45	TR	22		③TD/M		34.333	
安来高校	2	V-I	1			V-I	1	V-I	1	3	3	0	1.000	1
		TD	45			TD	44	TD	45		134	74	1.811	
		TR	21			TR	40	TR	13		③TD/M		44.667	
岡山大安寺中教校	3	V-I	1	V-I	0			V-I	1	2	2	1	0.667	2
		TD	45	TD	40			TD	45		130	104	1.250	
		TR	37	TR	44			TR	23		③TD/M		43.333	
鳥取湖陵高校	4	V-I	0	V-I	0	V-I	0			0	0	3	0.000	4
		TD	22	TD	13	TD	23				58	135	0.430	
		TR	45	TR	45	TR	45				③TD/M		19.333	

女子団体サーブル

学校名	No	1		2		3		4		V	V-I	D-I	①V/M	順位
											TD-I	TR-I	②TD/TR	
西大寺高校	1			V-I	0	V-I	0	V-I	1	1	1	2	0.333	3
				TD	31	TD	21	TD	45		97	121	0.802	
				TR	45	TR	45	TR	31		③TD/M		32.333	
安来高校	2	V-I	1			V-I	1	V-I	1	3	3	0	1.000	1
		TD	45			TD	45	TD	45		135	89	1.517	
		TR	31			TR	39	TR	19		③TD/M		45.000	
柳井学園高校	3	V-I	1	V-I	0			V-I	1	2	2	1	0.667	2
		TD	45	TD	39			TD	45		129	82	1.573	
		TR	21	TR	45			TR	16		③TD/M		43.000	
盈進高校	4	V-I	0	V-I	0	V-I	0			0	0	3	0.000	4
		TD	31	TD	19	TD	16				66	135	0.489	
		TR	45	TR	45	TR	45				③TD/M		22.000	

女子団体サーブル 2位校

学校名	No	1		2		V	V-I	D-I	①V/M	順位
							TD-I	TR-I	②TD/TR	
岡山大安寺中教校	1			V-I	1	1	1	0	1.000	1
				TD	45		45	23	1.957	
				TR	23		③TD/M		45.000	
松江工業高校	2	V-I	0			0	0	1	0.000	2
		TD	23				23	45	0.511	
		TR	45				③TD/M		23.000	